UBND TỈNH TUYÊN QUANG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 684/QĐ-ĐHTT ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Tân Trào)

Tên chương trình:	Chính trị học (Political Science)
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Chính trị học
Mã số:	7310201
Loại hình đào tạo:	Chính quy

Năm 2022

Phần I
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

UBND TỈNH TUYÊN QUANG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số:684/QĐ-ĐHTT ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Tân Trào

Tên chương trình: Chính trị học

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Chính trị học

Mã số: 7310201

Loại hình đào tạo: Chính quy

1. Mục tiêu đào tạo

- *Mục tiêu chung*: Đào tạo cử nhân ngành Chính trị học, có bản lĩnh chính trị, đạo đức và sức khỏe; có kiến thức, kỹ năng quản lý tổng hợp về lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội, có năng lực tham mưu, nghiên cứu, giảng dạy Khoa học chính trị; có ý thức phục vụ cộng đồng, xây dựng và phát triển đất nước.

- *Mục tiêu cụ thể*

MT1: Có kiến thức chuyên sâu về lý luận chính trị, giáo dục thể chất, quốc phòng an ninh, ngoại ngữ và công nghệ thông tin cơ bản.

MT2: Vận dụng quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quản lý xã hội vào thực tiễn.

MT3: Tích lũy kiến thức chuyên môn toàn diện để thực hiện công việc chuyên môn, trở thành nhà quản lý trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội.

MT4: Có kĩ năng giao tiếp và các kỹ năng cần thiết để xử lý các mối quan hệ trong hoạt động quản lý xã hội; kỹ năng giảng dạy Khoa học chính trị.

MT5: Tích cực tham gia xây dựng và thực hiện đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có ý thức phục vụ cộng đồng, tự chịu trách nhiệm, năng động, sáng tạo góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

2. Chuẩn đầu ra ngành đào tạo

Yêu cầu đạt được về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học sau khi tốt nghiệp:

Mã CĐR	Nội dung CĐR
Về kiến thức	
CĐR 1	Vận dụng những kiến thức về lý luận chính trị, quốc phòng – an ninh, giáo dục thể chất trong hoạt động nghề nghiệp và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước

CĐR 2	Áp dụng những kiến thức khoa học xã hội, kinh tế để phục vụ quá trình quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động chính trị .
CĐR 3	Thực hiện tốt các nguyên tắc, quan điểm chỉ đạo của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong quản lý và dự báo để phát hiện các vấn đề Quản lý nảy sinh trong thực tiễn.
CĐR 4	Phân tích các tri thức liên ngành tạo nền tảng kiến thức sâu rộng và tiền đề cần thiết để đi sâu nhận thức, nghiên cứu kiến thức chuyên ngành theo nhu cầu và định hướng phát triển chuyên môn.
CĐR 5	Đánh giá được vai trò Nhà nước, hệ thống chính sách, các giá trị, mục tiêu của quản lý hành chính Nhà nước trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.
Về kỹ năng	
Kỹ năng cứng	
CĐR 6	Sử dụng các phương pháp, công cụ vào thu thập, phân tích dữ liệu, thông tin chính trị.
CĐR 7	Áp dụng các phương pháp nghiên cứu, tư duy, lập luận trong thực hiện phân loại, phân tích, đánh giá, tổng hợp các loại thông tin và hình thành được hướng xử lý vấn đề nảy sinh trong Quản lý xã hội.
CĐR 8	Thực hiện thành thạo các kỹ năng xử lý thông tin trong tham mưu, điều hành, giám sát các vấn đề Quản lý nảy sinh trong thực tiễn
Kỹ năng mềm	
CĐR 9	Thực hiện kỹ năng lãnh đạo, quản lý, đàm phán, giao tiếp, thuyết trình xử lý tình huống chính trị trong xã hội và công việc; giảng dạy Khoa học chính trị.
CĐR 10	Sử dụng tin học và ngoại ngữ trong các hoạt động chuyên môn thông thường; đạt tối thiểu trình độ công nghệ thông tin cơ bản được quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT, trình độ tiếng Anh bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam (hoặc tương đương).
Về mức độ tự chủ và trách nhiệm	
CĐR 11	Thực hiện bản lĩnh chính trị vững vàng, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.
CĐR 12	Áp dụng năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm vào công việc.

3. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

- Cán bộ/ chuyên viên tại các cơ quan nhà nước, cơ quan, tổ chức của Đảng, trong các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội từ Trung ương đến địa phương;

- Giảng dạy Khoa học chính trị học trong các cơ sở giáo dục và các trung tâm bồi dưỡng chính trị.

4. Khả năng phát triển và nâng cao trình độ của người học sau khi tốt nghiệp

Có cơ hội học tập ở bậc sau đại học trong và ngoài nước.

5. Ma trận chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra											
Mã HP	Học phần	Kiến thức					Kĩ năng					NLTC CTN	
							Cứng			*Mềm*			
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR10	CĐR11	CĐR12
A. Kiến thức giáo dục đại cương													
I. Lý luận chính trị													
LL2.1.100.4	Triết học Mác – Lênin	2										3	
LL2.1.101.3	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2										2	
LL2.1.102.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2										2	
LL2.1.103.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2										2	
LL2.1.104.3	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2										2	
II. Ngoại ngữ													
NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1										2		
NN2.1.002.3	Tiếng Anh 2										2		
NN2.1.003.3	Tiếng Anh 3										2		
III. Tin học													
2TN2.1.501.2	Tin học đại cương									2	3		
IV. Khoa học Xã hội và Nhân văn													
Bắt buộc													
LL2.1.050.3	Giao tiếp trong quản lý					3				2			
LL2.1.051.3	Công tác xã hội trong quản lý				2		2						
LL2.1.052.2	Xây dựng Đảng			2								2	
VD2.1.091.2	Cơ sở văn hóa Việt Nam		2										
LL2.1.053.2	Đạo đức và giáo dục đạo đức		2										2
LL2.1.054.2	Chính trị học Đại cương					2						2	
LL2.1.010.2	Xã hội học đại cương		3										
KT2.1.079.2	Kinh tế học đại cương		2										

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra											
Mã HP	Học phần	Kiến thức					Kĩ năng					NLTC CTN	
							Cứng			*Mềm*			
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR10	CĐR11	CĐR12
TL.2.1.001.2	Tâm lý học đại cương		2										
LL2.1.008.2	Logic học đại cương		2										
Tự chọn													
XH.2.1.001.2	Tiếng Việt thực hành		2						2			1	
XH.2.1.060.2	Dân tộc học đại cương		2										
LL2.1.055.2	Tôn giáo học				2			2					
LL2.1.056.2	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật				2				2				
LL2.1.018.2	Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ		2										2
LL2.1.057.2	Tác phẩm Mác - Lênin về chính trị											2	2
LL2.1.058.2	Quan hệ quốc tế						2						2
LL2.1.059.2	Quan hệ công chúng				3			3					
LL2.1.060.2	Truyền thông đại chúng trong quản lý nhà nước				2					2			
V. Giáo dục thể chất													
Bắt buộc													
TC2.1.001.2	Giáo dục thể chất 1 (Bơi lội)	2											
Tự chọn nhóm 1 *(1 x 3 tín chỉ); chọn 01 trong các học phần sau:*													
TC2.1.002.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 1)	2											
TC2.1.003.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng bàn 1)	2											
TC2.1.004.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1)	2											
TC2.1.005.3	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 1)	2											
TC2.1.006.3	Giáo dục thể chất 2 (Võ thuật 1)	2											
TC2.1.007.3	Giáo dục thể chất 2 (Điền kinh 1)	2											
TC2.1.020.3	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội 1)	2											
TC2.1.018.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 1)	2											

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra											
Mã HP	Học phần	Kiến thức					Kĩ năng					NLTC CTN	
							Cứng			*Mềm*			
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR10	CĐR11	CĐR12
Tự chọn nhóm 2 *(1 x 2 tín chỉ); chọn 01 trong các học phần sau:*													
TC2.1.008.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 2)	2											
TC2.1.009.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng bàn 2)	2											
TC2.1.010.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 2)	2											
TC2.1.011.2	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 2)	2											
TC2.1.012.2	Giáo dục thể chất 3 (Võ thuật 2)	2											
TC2.1.021.2	Giáo dục thể chất 3 (Bơi lội 2)	2											
TC2.1.019.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 2)	2											
TC2.1.013.2	Giáo dục thể chất 3 (Điền kinh 2)	2											
VI. Giáo dục Quốc phòng – An ninh													
TC2.1.014.3	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 1	1											
TC2.1.015.2	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 2	1											
TC2.1.016.2	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 3	1											
TC2.1.017.2	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 4	1											
B. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp													
I. Kiến thức cơ sở ngành													
Bắt buộc													
LL2.1.061.3	Khoa học quản lý			3						3			
LL2.1.062.3	Nghệ thuật phát biểu miệng									3			
LL2.1.063.3	Khoa học chính sách công				2			2					
LL2.1.064.3	Lý thuyết chung quản lý xã hội					2			2				
LL2.1.065.3	Hệ thống chính trị với quản lý xã hội					2						2	
Tự chọn													
LL2.1.066.3	Lịch sử các học thuyết Chính trị				2							2	

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra											
Mã HP	Học phần	Kiến thức					Kĩ năng					NLTC CTN	
							Cứng			*Mềm*			
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR10	CĐR11	CĐR12
LL2.1.067.3	Lịch sử tư tưởng quản lý				2			2					
LL2.1.068.3	Lịch sử xây dựng chính quyền nhà nước Việt Nam					2		2					
LL2.1.069.3	Lịch sử Tư tưởng Việt Nam				2			2					
LL2.1.070.3	Chính trị quốc tế đương đại					2						3	
LL2.1.071.3	Chính trị học Việt Nam					2						2	
II. Kiến thức ngành													
Bắt buộc													
LL2.1.072.3	Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam (phần 1)			2									2
LL2.1.073.3	Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam (phần 2)			2									2
LL2.1.074.2	Quản lý hành chính nhà nước			3					3				
III. Kiến thức chuyên ngành													
Bắt buộc													
LL2.1.075.3	Quản lý xã hội về dân tộc và tôn giáo					3				3			
LL2.1.076.3	Quản lý cấp cơ sở					3							3
LL2.1.077.3	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý						2						2
LL2.1.078.3	Kỹ năng xử lý tình huống chính trị						2						2
LL2.1.079.3	Kỹ thuật điều hành công sở hành chính nhà nước					3				3			
LL2.1.080.3	Kỹ thuật soạn thảo văn bản quản lý nhà nước					3			3				
LL2.1.081.3	Phương pháp nghiên cứu và giảng dạy khoa học chính trị							3					2
Tự chọn													
LL2.1.082.3	Quản lý xã hội về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội					3				3			

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra											
Mã HP	Học phần	Kiến thức					Kĩ năng					NLTC CTN	
							Cứng			*Mềm*			
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR10	CĐR11	CĐR12
LL2.1.083.3	Quản lý xã hội về kinh tế					3				3			
LL2.1.084.3	Quản lý xã hội về khoa học, công nghệ, tài nguyên và môi trường					3							
LL2.1.085.3	Quản lý xã hội về giáo dục – đào tạo					3				3			
LL2.1.086.3	Quản lý nguồn nhân lực xã hội			3									2
LL2.1.087.3	Quản lý xã hội về văn hóa					3				2			
IV. Thực tập													
LL2.1.088.4	Thực tập 1								2			2	
LL2.1.089.4	Thực tập 2												
V. Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp													
Khóa luận tốt nghiệp:													
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp													
LL2.1.090.4	Quản lý công sở, công sản					3				3			
LL2.1.091.4	Quyền con người trong quản lý			2									2
Tổng số tín chỉ toàn khóa: 121 tín chỉ (Không tính Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh)													

0 = Không đóng góp; 1 = Đóng góp ở mức độ nhớ và hiểu; 2 = Đóng góp ở mức độ áp dụng và phân tích; 3 = Đóng góp ở mức độ đánh giá và sáng tạo

6. Thời gian đào tạo: 4 năm

7. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 121 tín chỉ (không kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – An ninh), trong đó:

- Kiến thức giáo dục đại cương: 53 tín chỉ;
- Kiến thức cơ sở ngành: 21 tín chỉ;
- Kiến thức ngành: 8 tín chỉ;
- Kiến thức chuyên ngành: 25 tín chỉ;

- Thực tập: 6 tín chỉ;

- Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp: 6 tín chỉ.

8. Chuẩn đầu vào:

- Đã tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương, đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo đề án tuyển sinh hàng năm của Nhà trường.

- Phương thức tuyển sinh: theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

- Vùng tuyển sinh: cả nước.

9. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

Theo chương II, chương và III chương IV, Quyết định 667/QĐ-ĐHTTr ngày 25/8/2021 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Tân Trào.

10. Thang điểm

Điều 14, Chương III, Quyết định 667/QĐ-ĐHTTr ngày 25/8/2021 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Tân Trào.

11. Nội dung chương trình

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khoá luận tốt nghiệp	
A. Kiến thức giáo dục đại cương			**53**					
I. Lý luận chính trị			**14**					
1	LL2.1.100.4	Triết học Mác – Lênin	4	57	3			Không
2	LL2.1.101.3	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	3	31	14			LL2.1.100.4
3	LL2.1.102.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	29	1			LL2.1.101.3
4	LL2.1.103.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	23	7			LL2.1.102.2
5	LL2.1.104.3	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3	28	17			LL2.1.103.2
II. Ngoại ngữ			**9**					
6	NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1	3	22	23			Không
7	NN2.1.002.3	Tiếng Anh 2	3	22	23			NN2.1.001.3
8	NN2.1.003.3	Tiếng Anh 3	3	22	23			NN2.1.002.3

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khoá luận tốt nghiệp	
III. Tin học			**2**					
9	TN2.1.501.2	Tin học đại cương	2	15	14			Không
IV. Khoa học tự nhiên, xã hội			**28**					
	Băt buộc		*22*					
10	LL2.1.050.3	Giao tiếp trong quản lý	3	18	20		15	Không
11	LL2.1.051.3	Công tác xã hội trong quản lý	3	29	9		Thực tế 15	Không
12	LL2.1.052.2	Xây dựng Đảng	2	21	9			LL2.1.104.3
13	VD2.1.091.2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	14			Thực tế 45	Không
14	LL2.1.053.2	Đạo đức và giáo dục đạo đức	2	23	7			LL2.1.100.4
15	LL2.1.054.2	Chính trị học đại cương	2	20	10			LL2.1.100.4
16	LL2.1.010.2	Xã hội học đại cương	2	14	16			Không
17	KT2.1.079.2	Kinh tế học đại cương	2	15	14			Không
18	TL.2.1.001.2	Tâm lý học đại cương	2	15	15			Không
19	LL2.1.008.2	Logic học đại cương	2	29	1			LL2.1.100.4
	Tự chọn		*6/18*					
20	XH.2.1.001.2	Tiếng Việt thực hành	2	14	16			Không
21	XH.2.1.060.2	Dân tộc học đại cương	2	25	4			Không
22	LL2.1.055.2	Tôn giáo học	2	20	10			LL2.1.100.4
23	LL2.1.056.2	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật	2	29	1			LL2.1.100.4
24	LL2.1.006.2	Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ	2	16	14			LL2.1.100.4
25	LL2.1.057.2	Tác phẩm Mác - Lênin về Chính trị	2	29	1			Không
26	LL2.1.058.2	Quan hệ quốc tế	2	21	9			Không

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khoá luận tốt nghiệp	
27	LL2.1.059.2	Quan hệ công chúng	2	14	16			TL.2.1.001.2
28	LL2.1.060.2	Truyền thông trong quản lý nhà nước	2	13	11		Thực tế 15	LL2.1.054.2 LL2.1.061.3
V. Giáo dục thể chất								
Bắt buộc								
	TC2.1.001.2	Giáo dục thể chất 1 (Bơi lội)	2	2	28			Không
Tự chọn nhóm 1 *(1 x 3 tín chỉ); chọn 01 trong các học phần sau*								
	TC2.1.002.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 1)	3	4		41		Không
	TC2.1.003.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng bàn 1)	3	4		41		Không
	TC2.1.004.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1)	3	4		41		Không
	TC2.1.005.3	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 1)	3	3		42		Không
	TC2.1.006.3	Giáo dục thể chất 2 (Võ thuật 1)	3	2		42		Không
	TC2.1.007.3	Giáo dục thể chất 2 (Điền kinh 1)	3	2		43		Không
	TC2.1.020.3	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội 1)	3	4		41		Không
	TC2.1.018.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 1)	3	2		43		Không
Tự chọn nhóm 2 *(1 x 2 tín chỉ); chọn 01 trong các học phần sau:*								
	TC2.1.008.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 2)	2			30		Không
	TC2.1.009.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng bàn 2)	2			30		Không
	TC2.1.010.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 2)	2			30		Không

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khoá luận tốt nghiệp	
	TC2.1.011.2	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 2)	2			30		Không
	TC2.1.012.2	Giáo dục thể chất 3 (Võ thuật 2)	2	2		28		Không
	TC2.1.021.2	Giáo dục thể chất 3 (Bơi lội 2)	2			30		Không
	TC2.1.019.2	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 2)	2			30		Không
	TC2.1.013.2	Giáo dục thể chất 3 (Điền kinh 2)	2			27		Không
VI. Giáo dục Quốc phòng – An ninh								
	TC2.1.014.3	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 1	3	45				Không
	TC2.1.015.2	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 2	2	30				Không
	TC2.1.016.2	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 3	2	14		16		Không
	TC2.1.017.2	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 4	2	4		56		Không
B. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			**70**					
I. Kiến thức cơ sở ngành			**21**					
Bắt buộc			**15**					
29	LL2.1.061.3	Khoa học quản lý	3	22	23			LL2.1.100.4 LL2.1.056.2
30	LL2.1.062.3	Nghệ thuật phát biểu miệng	3	16	29			TL.2.1.001.2
31	LL2.1.063.3	Khoa học chính sách công	3	22	23			LL2.1.061.3
32	LL2.1.064.3	Lý thuyết chung quản lý xã hội	3	43	2			LL2.1.100.4 LL2.1.061.3
33	LL2.1.065.3	Hệ thống chính trị với quản lý xã hội	3	30	15			LL2.1.054.2
Tự chọn			**6/18**					
34	LL2.1.066.3	Lịch sử các học thuyết Chính trị	3	24	21			LL2.1.054.2

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khoá luận tốt nghiệp	
35	LL2.1.067.3	Lịch sử tư tưởng quản lý	3	43	2			Không
36	LL2.1.068.3	Lịch sử xây dựng chính quyền nhà nước Việt Nam	3	43	2			Không
37	LL2.1.069.3	Lịch sử Tư tưởng Việt Nam	3	23	22			Không
38	LL2.1.070.3	Chính trị quốc tế đương đại	3	23	22			Không
39	LL2.1.071.3	Chính trị học Việt Nam	3	22	23			LL2.1.054.2
II. Kiến thức ngành			**8**					
40	LL2.1.072.3	Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam (phần 1)	3	43	2			LL2.1.056.2
41	LL2.1.073.3	Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam (phần 2)	3	35	10			LL2.1.072.3
42	LL2.1.074.2	Quản lý hành chính nhà nước	2	15	15			
III. Kiến thức chuyên ngành			**27**					
Bắt buộc			**21**					
43	LL2.1.075.3	Quản lý xã hội về dân tộc và tôn giáo	3	22	23			LL2.1.055.2
44	LL2.1.076.3	Quản lý cấp cơ sở	3	22	23			Không
45	LL2.1.077.3	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	3	21	23			LL2.1.071.3 LL2.1.061.3
46	LL2.1.078.3	Kỹ năng xử lý tình huống chính trị	3	22	23			LL2.1.054.2 TL.2.1.001.2
47	LL2.1.079.3	Kỹ thuật điều hành công sở hành chính nhà nước	3	43	2			LL2.1.074.2
48	LL2.1.080.3	Kỹ thuật soạn thảo văn bản quản lý nhà nước	3	22	23			

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ				Học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Bài tập, kiểm tra	Thực hành, thảo luận	Thực tế, thực tập, tiểu luận, bài tập lớn, khoá luận tốt nghiệp	
49	LL2.1.081.3	Phương pháp nghiên cứu và giảng dạy khoa học chính trị	3	22	23			LL2.1.061.3 LL2.1.074.2 LL2.1.054.2
Tự chọn			**6/18**					
50	LL2.1.082.3	Quản lý xã hội về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội	3	28	17			LL2.1.074.2
51	LL2.1.083.3	Quản lý xã hội về kinh tế	3	26	19			LL2.1.074.2
52	LL2.1.084.3	Quản lý xã hội về khoa học, công nghệ, tài nguyên và môi trường	3	26	19			Không
53	LL2.1.085.3	Quản lý xã hội về giáo dục – đào tạo	3	43	2			Không
54	LL2.1.086.3	Quản lý nguồn nhân lực xã hội	3	24	21			Không
55	LL2.1.087.3	Quản lý xã hội về văn hóa	3	20	18		Thực tế 15	
IV. Thực tập			**6**					
56	LL2.1.088.2	Thực tập 1	2	100			Thực tập	
57	LL2.1.089.4	Thực tập 2	4	200			Thực tập	LL2.1.088.2
V. Khóa luận tốt nghiệp/ Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			**6**					
Khóa luận tốt nghiệp			6					
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			6					
58	LL2.1.090.3	Quản lý công sở, công sản	3	57	3			LL2.1.089.4
59	LL2.1.091.3	Quyền con người trong quản lý	3	32	13			LL2.1.089.4
Tổng số tín chỉ toàn khóa: 121 (không tính Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh):								

12. Kế hoạch giảng dạy *(dự kiến)*

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kỳ							
					1	2	3	4	5	6	7	8
1	LL2.1.100.4	Triết học Mác – Lênin		4	x							
2	LL2.1.101.3	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	LL2.1.100.4	3		x						
3	LL2.1.102.2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LL2.1.101.3	2			x					
4	LL2.1.103.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LL2.1.102.2	2				x				
5	LL2.1.104.3	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LL2.1.103.2	3					x			
6	NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1		3	x							
7	NN2.1.002.3	Tiếng Anh 2	NN2.1.001.3	3		x						
8	NN2.1.003.3	Tiếng Anh 3	NN2.1.002.3	3			x					
9	TN2.1.501.2	Tin học đại cương		2	x							
	Băt buộc											
10	LL2.1.050.3	Giao tiếp trong quản lý		3						x		
11	LL2.1.051.3	Công tác xã hội trong quản lý		3				x				
12	LL2.1.052.2	Xây dựng Đảng	LL2.1.104.3	2						x		
13	VD2.1.091.2	Cơ sở văn hóa Việt Nam		2	x							
14	LL2.1.053.2	Đạo đức và giáo dục đạo đức		2		x						
15	LL2.1.054.2	Chính trị học Đại cương		2			x					
16	LL2.1.010.2	Xã hội học đại cương		2			x					
17	KT2.1.079.2	Kinh tế học đại cương		2	x							
18	TL.2.1.001.2	Tâm lý học đại cương		2	x							
19	LL2.1.008.2	Logic học đại cương	LL2.1.100.4	2		x						
	Tự chọn											
20	XH.2.1.001.2	Tiếng Việt thực hành		2				x				
21	XH.2.1.060.2	Dân tộc học đại cương		2		x						
22	LL2.1.055.2	Tôn giáo học	LL2.1.100.4	2				x				

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kỳ							
					1	2	3	4	5	6	7	8
23	LL2.1.056.2	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật	LL2.1.100.4	2			x					
24	LL2.1.006.2	Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ	LL2.1.100.4	2		x						
25	LL2.1.057.2	Tác phẩm Mác - Lênin về Chính trị		2			x					
26	LL2.1.058.2	Quan hệ quốc tế		2		x						
27	LL2.1.059.2	Quan hệ công chúng		2				x				
28	LL2.1.060.2	Truyền thông trong quản lý nhà nước	LL2.1.054.2 LL2.1.061.3	2			x					
	TC2.1.001.2	Giáo dục thể chất 1		2	2*							
	Tự chọn nhóm 1 *(1* x *3 tín chỉ); chọn 01 trong các học phần sau:*			3								
	TC2.1.002.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 1)		3								
	TC2.1.003.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng bàn 1)		3								
	TC2.1.004.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 1)		3								
	TC2.1.005.3	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 1)		3		3*						
	TC2.1.006.3	Giáo dục thể chất 2 (Võ thuật 1)		3								
	TC2.1.007.3	Giáo dục thể chất 2 (Điền kinh 1)		3								
	TC2.1.020.3	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội 1)		3								
	TC2.1.018.3	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 1)		3								
	TC2.1.014.3	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 1		3								
	TC2.1.015.2	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 2		2								
	TC2.1.016.2	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 3		2		9*						
	TC2.1.017.2	Giáo dục Quốc phòng-An ninh 4		2								
	Bắt buộc											
29	LL2.1.061.3	Khoa học quản lý	LL2.1.100.4 LL2.1.056.2	3		x						

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kỳ							
					1	2	3	4	5	6	7	8
30	LL2.1.062.3	Nghệ thuật phát biểu miệng	TL.2.1.001.2	3				×				
31	LL2.1.063.3	Khoa học chính sách công	LL2.1.061.3	3				×				
32	LL2.1.064.3	Lý thuyết chung quản lý xã hội	LL2.1.100.4 LL2.1.061.3	3				×				
33	LL2.1.065.3	Hệ thống chính trị với quản lý xã hội	LL2.1.054.2	3					×			
	Tự chọn			6/18								
34	LL2.1.066.3	Lịch sử các học thuyết Chính trị	LL2.1.054.2	3					x			
35	LL2.1.067.3	Lịch sử tư tưởng quản lý		3			x					
36	LL2.1.068.3	Lịch sử xây dựng chính quyền nhà nước Việt Nam		3			x					
37	LL2.1.069.3	Lịch sử Tư tưởng Việt Nam		3			x					
38	LL2.1.070.3	Chính trị quốc tế đương đại		3					x			
39	LL2.1.071.3	Chính trị học Việt Nam	LL2.1.054.2	3					x			
40	LL2.1.072.3	Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam (phần 1)	LL2.1.056.2	3					x			
41	LL2.1.073.3	Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam (phần 2)	LL2.1.072.3	3						x		
42	LL2.1.074.2	Quản lý hành chính nhà nước		2			x					
	Bắt buộc			6/18								
43	LL2.1.075.3	Quản lý xã hội về dân tộc và tôn giáo	LL2.1.055.2	3						x		
44	LL2.1.076.3	Quản lý cấp cơ sở		3					x			
45	LL2.1.077.3	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	LL2.1.071.3 LL2.1.061.3	3							x	
46	LL2.1.078.3	Kỹ năng xử lý tình huống chính trị	LL2.1.054.2	3								x
47	LL2.1.079.3	Kỹ thuật điều hành công sở hành chính nhà nước	LL2.1.074.2	3							x	
48	LL2.1.080.3	Kỹ thuật soạn thảo văn bản quản lý nhà nước		3							x	

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kỳ							
					1	2	3	4	5	6	7	8
49	LL2.1.081.3	Phương pháp nghiên cứu và giảng dạy khoa học chính trị	LL2.1.061.3 LL2.1.074.2 LL2.1.054.2	3							x	
50	LL2.1.082.3	Quản lý xã hội về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội	LL2.1.074.2	3							x	
51	LL2.1.083.3	Quản lý xã hội về kinh tế	LL2.1.074.2	3						x		
52	LL2.1.084.3	Quản lý xã hội về khoa học, công nghệ, tài nguyên và môi trường		3							x	
53	LL2.1.085.3	Quản lý xã hội về giáo dục – đào tạo		3							x	
54	LL2.1.086.3	Quản lý nguồn nhân lực xã hội		3						x		
55	LL2.1.087.3	Quản lý xã hội về văn hóa		3						x		
56	LL2.1.088.4	Thực tập 1		2						x		
57	LL2.1.089.4	Thực tập 2	LL2.1.088.4	4								x
	Khóa luận tốt nghiệp			6								x
58	LL2.1.090.3	Quản lý công sở, công sản		4								x
59	LL2.1.091.3	Quyền con người trong quản lý		4								x
Cộng *(không tính Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh):*				**123**	**15**	**15**	**16**	**16**	**15**	**16**	**15**	**13**

13. Bản đồ chương trình dạy học (yêu cầu Xoay ngang 1 trang bản đồ)

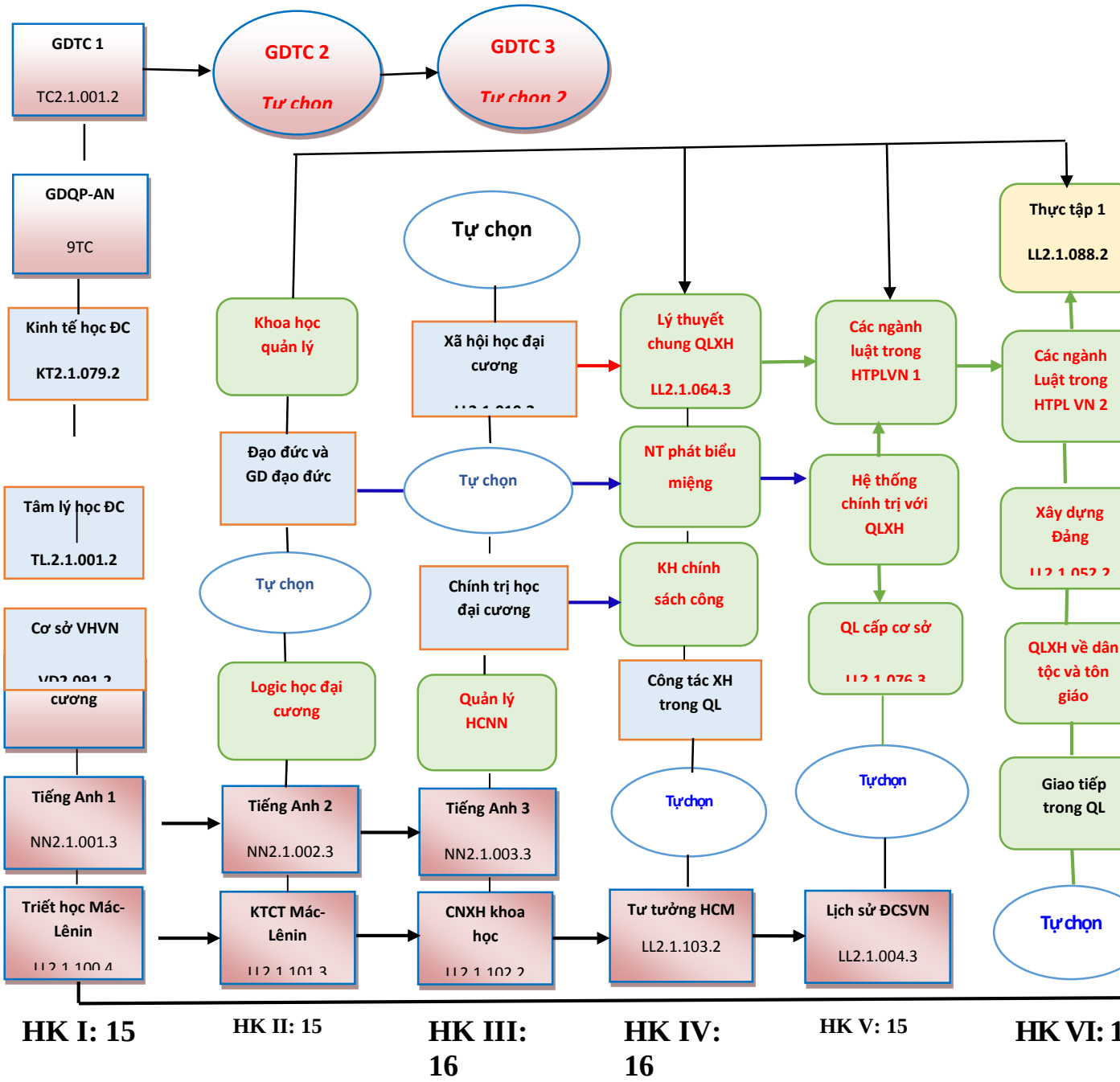

BẢN ĐỒ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC NGÀNH CHÍNH TRỊ HỌC (CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ XÃ HỘI)

14. Mô tả các học phần

14.1. Triết học Mác – Lênin: (4TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Triết học Mác – Lênin dành cho ngành Chính trị học cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung của các môn học khác; Nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của Triết học Mác - Lênin.

Nội dung của môn học gồm 4 chương: chương 1 trình bày về những vấn đề về triết học nói chung và vai trò của triết học trong đời sống xã hội nói riêng; chương 2 và chương 3 trình bày về chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử - nội dung quan trọng nhất của Chủ nghĩa Mác – Lênin; chương 4 phân tích triết học Mác-Lênin trong thời đại ngày nay.

14.2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin: (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác – Lê nin

Học phần Kinh tế chính trị Mác – Lênin dành cho ngành Chính trị học cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về Kinh tế thị trường và các quy luật kinh tế cơ bản của nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh, độc quyền và vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam; Hội nhập kinh tế quốc tế và xây dựng nền kinh tế Việt Nam độc lập tự chủ.

Học phần gồm 9 chương gồm: Đối tượng phương pháp và sự cần thiết nghiên cứu kinh tế chính trị Mác – Lê nin trong bối cảnh phát triển của thế giới ngày nay; Kinh tế thị trường và các quy luật kinh tế cơ bản của nền kinh tế thị trường; Lý luận của C.Mác về giá trị thặng dư và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Tích lũy và tái sản xuất trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh, độc quyền và vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; Lợi ích kinh tế và đảm bảo hài hòa các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam; Hội nhập kinh tế quốc tế và xây dựng nền kinh tế Việt Nam độc lập tự chủ.

14.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học: (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế chính trị Mác - Lênin.

Học phần bao gồm những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin.

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học gồm 8 chương: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội - Giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa

xã hội.

14.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh: (2TC)

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác – Lênin; Kinh tế chính trị Mác – Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Học phần tư tưởng Hồ Chí Minh dành cho ngành Lý luận chính trị, cung cấp cho người học kiến thức có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá Hồ Chí Minh; hiểu rõ được nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; các quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam của Hồ Chí Minh. Sau khi học xong người học có khả vận dụng sáng tạo những giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn.

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản, hệ thống về: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá, con người; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá.

14.5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: (3TC)

Điều kiện tiên quyết: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản có hệ thống về sự ra đời; sự lãnh đạo, chỉ đạo; những thành công, hạn chế; bài học kinh nghiệm trong quá trình Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Sau khi học xong người học nâng cao nhận thức và tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng. Có khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản về đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

14.6. Tiếng Anh 1 (03 TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Sinh viên (SV) được trang bị các kiến thức ngôn ngữ về ngữ pháp, ngữ âm, từ vựng thông qua các bài học với các chủ đề khác nhau, đề cập tới các khía cạnh khác nhau của cuộc sống.

SV được rèn luyện cách phát âm chính xác theo *IPA;* tích luỹ khối lượng từ vựng; nghiên cứu, rèn luyện, sử dụng các kiến thức ngữ pháp; rèn luyện, hình thành các kĩ năng tiếng Anh tương đương trình độ A2.

14.7. Tiếng Anh 2 (02 TC)

Điều kiện tiên quyết: NN2.1.001.3

Sinh viên (SV) được trang bị các kiến thức ngôn ngữ về ngữ pháp, ngữ âm, từ vựng thông qua các bài học với các chủ đề khác nhau, đề cập tới các khía cạnh khác nhau của cuộc sống.

SV được rèn luyện cách phát âm chính xác theo *IPA;* tích luỹ khối lượng từ vựng; nghiên cứu, rèn luyện, sử dụng các kiến thức ngữ pháp; rèn luyện, hình thành các kĩ năng tiếng Anh tương đương trình độ A2.

14.8. Tiếng Anh 3 (02 TC)

Điều kiện tiên quyết: NN2.1.002.2

Sinh viên (SV) được trang bị các kiến thức ngôn ngữ về ngữ pháp, ngữ âm, từ vựng thông qua các bài học với các chủ đề khác nhau, đề cập tới các khía cạnh khác nhau của cuộc sống.

SV được rèn luyện cách phát âm chính xác theo *IPA;* tích luỹ khối lượng từ vựng; nghiên cứu, rèn luyện, sử dụng các kiến thức ngữ pháp; rèn luyện, hình thành các kĩ năng tiếng Anh tương đương trình độ A2.

14.9. Tin học cơ sở (02TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Tin học cơ sở là học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng về biểu diễn thông tin trong máy tính; sử dụng Windows để tạo, mở, sao chép tài liệu, có thể định dạng các quy ước quốc tế về số, thời gian và ngày giờ. Sinh viên biết sử dụng các công cụ Word để soạn thảo các dạng tài liệu, trang trí văn bản theo yêu cầu công việc. Sinh viên biết sử dụng công cụ Excel để tạo các bảng tính toán từ đơn giản đến phức tạp. Ngoài ra sinh viên biết sử dụng phần mềm luyện thi chứng chỉ MOS và có kiến thức để đạt chứng chỉ MOS.

14.10. Giao tiếp trong quản lý (03 TC)

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần Giao tiếp trong quản lý dành cho ngành Chính trị học cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về vấn đề lý luận cơ bản về giao tiếp trong quản lý, rèn luyện và phát triển các kỹ năng giao tiếp cơ bản trong quản lý, giúp người học có thái độ đúng đắn về vai trò của hoạt động giao tiếp trong quản lý.

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về giao tiếp trong quản lý như: khái niệm, các nguyên tắc giao tiếp cơ bản trong quản lý, phương tiện mà nhà quản lý sử dụng trong quá trình giao tiếp; bản chất của hoạt động giao tiếp trong quản lý; những yếu tố của môi trường công sở tác động đến hoạt động giao tiếp của nhà quản lý; những kỹ năng giao tiếp cơ bản của nhà quản lý và nghi thức giao tiếp trong quản lý; Thực tế tại một cơ quan hành chính nhà nước.

14.11. Công tác xã hội trong quản lý (03 TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Công tác xã hội trong quản lý bao gồm hệ thống những kiến thức cơ bản về công tác xã hội; lịch sử hình thành và diễn tiến phát triển của công tác xã hội trên thế giới và ở Việt Nam; mục tiêu, cơ sở, chức năng cơ bản của công tác xã hội; đối tượng và chủ thể của công tác xã hội; tiến trình công tác xã hội; các kỹ năng, hoạt động trong công tác xã hội; các phương pháp công tác xã hội (phương pháp công tác xã hội cá nhân, phương pháp công tác xã hội nhóm, phương pháp phát triển cộng đồng trong hoạt động quản lý).

Học phần bao gồm 4 chương lý thuyết về công tác xã hội trong quản lý và một phần thực tế địa phương giúp sinh viên hiểu biết thực tiễn về nội dung học phần. Các chương lý thuyết lần lượt là: Nhập môn; Đối tượng và chủ thể của công tác xã hội; Một số nội dung cơ bản của công tác xã hội; Quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước về công tác xã hội.

14.12. Xây dựng Đảng (02TC)

Điều kiện tiên quyết: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về môn học như lý luận Mác – Lênin về đảng cộng sản; các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; những nội dung cụ thể trong công tác xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam.

Học phần bao gồm 9 chương trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Chương 1: Nhập môn Xây dựng Đảng; Chương 2: Học thuyết Mác Lênin về Đảng Cộng sản và xây dựng Đảng; Chương 3: Xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và đạo đức; Chương 4: Các nguyên tắc tổ chức và hệ thống tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam; Chương V. Xây dựng đội ngũ đảng viên và cán bộ; Chương VI. Kiểm tra, giám sát và khen thưởng, kỷ luật của Đảng; Chương VII. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị; Chương VIII. Đảng lãnh đạo các lĩnh vực đời sống xã hội; Chương IX. Công tác dân vận của Đảng.

14.13. Cơ sở văn hóa Việt Nam (02TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về khái niệm văn hoá, không gian văn hóa Việt Nam, loại hình văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam; các thành tố của văn hoá Việt Nam (văn hoá nhận thức, văn hoá tổ chức cộng đồng, văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên, văn hoá ứng xử với môi trường xã hội); bản sắc văn

hóa dân tộc. Hình thành thái độ tích cực cho sinh với việc giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc.

Học phần gồm 6 chương: Văn hoá học và văn hoá Việt Nam; Văn hóa tổ chức đời sống tập thể; Văn hóa tổ chức đời sống cá nhân; Văn hóa hoá ứng xử với môi trường tự nhiên; Văn hóa ứng xử với môi trường xã hội; Thực tế tìm hiểu bản sắc văn hóa Việt Nam

14.14. Đạo đức và giáo dục đạo đức (02TC)

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin.

Học phần cung cấp hệ thống những tri thức cơ bản về đạo đức và giáo dục đạo đức như nguồn gốc, vai trò, chức năng của đạo đức; mối quan hệ giữa đạo đức với một số hình thái ý thức xã hội khác; các nguyên tắc và chuẩn mực đạo đức xã hội, một số vấn đề về giáo dục nguyên tắc đạo đức mới hiện nay; vấn đề giáo dục đạo đức trong trường học hiện nay; phẩm chất đạo đức của giáo viên trong trường học.

14.15. Chính trị học đại cương (02TC)

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

Học phần chính trị học đại cương cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản của khoa học chính trị.

Học phần bao gồm 4 chương: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu Chính trị học; Khái lược lịch sử tư tưởng chính trị trước chủ nghĩa Mác; Một số quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về chính trị; Những vấn đề cơ bản của chính trị học.

14.16. Xã hội học đại cương (02TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Xã hội học đại cương là một khởi đầu trong việc tiếp cận Xã hội học. Học phần được chia thành 7 bài, mỗi bài sẽ có những nội dung, kiến thức riêng nhưng cơ bản là các thông tin về: Đối tượng, chức năng và nhiệm vụ của Xã hội học; Một số khái niệm, phạm trù cơ bản của Xã hội học; Phương pháp nghiên cứu của Xã hội học; Dư luận xã hội; Một số lĩnh vực nghiên cứu của Xã hội học như xã hội học nông thôn, xã hội học đô thị, xã hội học gia đình.

14.17. Kinh tế học đại cương (02TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần nghiên cứu về các vấn đề cơ bản của quan hệ kinh tế quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa, đặc biệt là thương mại quốc tế và đầu tư quốc tế.

Học phần gồm 6 chương: Tổng quan về kinh tế học; Cung - Cầu; Lý thuyết hành vi người tiêu dùng; Sản xuất - Chi phí và lợi nhuận; Đo lường các biến số kinh tế vĩ mô; Tổng cầu của nền kinh tế.

14.18. Tâm lý học đại cương (02TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về tâm lí học đại cương: các quan điểm về tâm lý người, khái niệm, đặc điểm, quy luật, hoạt động nhận thức, tình cảm, sự hình thành và phát triển nhân cách.

Học phần gồm 7 chương: Tâm lí học là một khoa học; Hoạt động, giao tiếp và sự hình thành, phát triển tâm lí; Sự hình thành và phát triển tâm lí, ý thức; Hoạt động nhận thức; Tình cảm và ý chí; Trí nhớ; Nhân cách và sự hình thành, phát triển nhân cách.

14.19. Logic học đại cương (02TC)

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác – Lênin

Học phần Logic học đại cương dành cho ngành Chính trị học cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về nội dung và các yêu cầu của các quy luật cơ bản của tư duy; hình thức cơ bản của tuy duy logic. Giúp người học có khả năng tìm kiếm, nhận dạng và khắc phục những lỗi lôgíc của tư duy trong quá trình phản ánh, đồng thời xây dựng được phương pháp tư duy chính xác chặt chẽ, khoa học cho mình.

Học phần gồm 6 chương gồm: Đối tượng và ý nghĩa của Logic học; Các quy luật cơ bản của Logic học; Khái niệm; Phán đoán; Suy luận; Chứng minh, bác bỏ và nguỵ biện.

14.20. Tiếng Việt thực hành (02TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về tạo lập văn bản, dựng đoạn văn, viết câu, dùng từ, chính tả tiếng Việt trong văn bản.

Học phần gồm 5 chương: Luyện kĩ năng tạo lập văn bản; Luyện kĩ năng dựng đoạn văn; Rèn luyện kĩ năng đặt câu; Rèn luyện kĩ năng dùng từ; Rèn luyện kĩ năng chính tả Tiếng Việt.

14.21. Dân tộc học đại cương (02TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản của Dân tộc học: định nghĩa, đối tượng, phương pháp nghiên cứu, lịch sử phát triển của ngành dân tộc học, các vấn đề về chủng tộc, nguồn gốc loài người, về ngôn ngữ, tôn giáo, về tộc người và cộng đồng tộc người, tạo tiền đề cho người học nghiên cứu các môn học về lịch sử, văn hoá tiếp theo.

Học phần gồm các kiến thức cơ bản của Dân tộc học, bao gồm: khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu và nguồn tài liệu; lịch sử phát triển dân tộc học và những thành tựu của dân tộc học Việt Nam; Chủng tộc và vấn đề nguồn gốc loài người; Vấn đề ngữ hệ và các ngữ hệ trên thế giới; Tộc người và tiêu chí xác định tộc người; Các khối cộng đồng tộc người; Xã hội và con người thời nguyên thuỷ; Một số

hình thái tôn giáo sơ khai.... tạo tiền đề cho sinh viên có thể lĩnh hội được những kiến thức khoa học khác, thuộc các bộ môn trong ngành khoa học xã hội và nhân văn.

14.22. Tôn giáo học (02TC)

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác – Lênin.

Tôn giáo học là khoa học nghiên cứu những vấn cơ bản và chung nhất của tôn giáo: Bản chất, nguồn gốc của tôn giáo; Kết cấu của tôn giáo; chức năng và vai trò của tôn giáo; Sự ra đời, phát triển và nội dung cơ bản của một số tôn giáo tiêu biểu ở việt Nam.

Học phần gồm 6 chương: Nhập môn Tôn giáo học; Một số vấn đề lý luận chung về tôn giáo; Đạo Phật và Đạo Phật ở Việt Nam; Đạo Ki-tô và đạo Ki-tô ở Việt Nam; Đạo Islam và đạo Islam ở Việt Nam; Một số tín ngưỡng và tôn giáo dân tộc ở Việt Nam

14.23. Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật (02TC)

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

Nội dung học phần bao gồm nhưng kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật; các kiểu nhà nước và pháp luật; nhà nước và pháp luật xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Người học vận dụng kiến thức về nhà nước và pháp luật vào cuộc sống để tìm hiểu, nghiên cứu, phân tích các hiện tượng chính trị - pháp lý trong xã hội và có ý thức tôn trọng, tuân thủ chính sách, pháp luật của nhà nước.

Nội dung của học phần Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật bao gồm 6 chương: Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của nhà nước và pháp luật; Lý luận chung về nhà nước; Lý luận chung về pháp luật; Các kiểu nhà nước và pháp luật; Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Pháp luật và hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

14.24. Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ (02TC)

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác – Lênin

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về lịch sử mỹ học và các nội dung cơ bản của mỹ học như cái đẹp trong thiên nhiên, trong xã hội, cái đẹp của con người, của nghệ thuật và các nội dung chính trong giáo dục thẩm mỹ.

Học phần bao gồm 3 chương về: Mỹ học là một khoa học; Những hình thái thẩm mỹ cơ bản trong đời sống con người; Giáo dục thẩm mỹ

14.25. Tác phẩm Mác – Lênin về chính trị (02TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Tác phẩm Mác-Lênin về Chính trị dành cho ngành Chính trị học cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về nội dung các tác phẩm kinh điển Mác - Lênin. Từ đó hình thành bản lĩnh đấu tranh chống những luận điểm sai trái, bảo vệ học thuyết Mác-Lênin và quan điểm, đường lối của Đảng ta. Có phẩm chất đạo đức cách mạng, có

lý tưởng và phong cách sống khoa học, đáp ứng được yêu cầu của quá trình phát triển và hội nhập quốc tế.

Học phần gồm 8 chương, mỗi chương bàn về một tác phẩm. Bao gồm các tác phẩm: Tuyên ngôn của Đảng cộng sản; Nội chiến ở Pháp; Phê phán Cương lĩnh Gôta; Nguồn gốc của gia đình, của chế dộ tư hữu và của nhà nước; Hai sách lược của Đảng dân chủ-xã hội trong cách mạng dân chủ; Nhà nước và cách mạng; Những nhiệm vụ trước mắt của chính quyền xô viết; Bàn về thuế lương thực.

14.26. Quan hệ quốc tế (02TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần gồm các nội dung cơ bản và mang tính hệ thống về quan hệ quốc tế như khái niệm, đặc trưng của quan hệ quốc tế; chủ thể và các mối quan hệ giữa các chủ thể trong quan hệ quốc tế đặc biệt nhấn mạnh đến quốc gia độc lập có chủ quyền và tổ chức quốc tế trong đó có UN, ASEAN; các quy luật trong quan hệ quốc tế; xung đột và hợp tác trong quan hệ quốc tế; các vấn đề toàn cầu; đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Học phần 4 chương: Quan hệ quốc tế và cục diện thế giới; nước lớn và các tổ chức quốc tế; những vấn đề quốc tế hiện nay; các quy luật trong quan hệ quốc tế.

14.27. Quan hệ công chúng (02TC)

Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương

Học phần Quan hệ công chúng (Public Relations - PR) cung cấp cho sinh viên kiến thức chung về Quan hệ công chúng và phân biệt được các loại hình công chúng. Giới thiệu các kênh tuyền tải thông điệp PR cơ bản. Cung cấp cho sinh viên quy trình xây dựng một chương trình quan hệ công chúng cũng như cung cấp cho sinh viên các kiến thức về công chúng để áp dụng trong việc xử lý các vấn đề trong công việc.

Học phần gồm 3 chương: Đại cương về quan hệ công chúng; Hoạch định chiến lược PR; Những hoạt động chủ yếu của PR.

14.28. Truyền thông đại chúng trong quản lý nhà nước (02TC)

Điều kiện tiên quyết: Chính trị học đại cương; Khoa học quản lý.

Học phần Truyền thông đại chúng trong quản lý nhà nước tập trung làm rõ những vấn đề chung về truyền thông đại chúng; đặc điểm, nguyên tắc, hình thức, phương pháp quản lý nhà nước về truyền thông đại chúng; chủ thể quản lý nhà nước về truyền thông đại chúng; nội dung chủ yếu của quản lý nhà nước về truyền thông đại chúng.

Học phần gồm 4 chương lý thuyết: Một số vấn đề cơ bản về truyền thông đại chúng; Đặc điểm, nguyên tắc, hình thức, phương pháp quản lý nhà nước về truyền thông đại chúng; Chủ thể quản lý nhà nước đối với lĩnh vực truyền thông đại chúng; Một số lĩnh vực quản lý nhà nước đối với truyền thông đại chúng. Ngoài ra còn có một phần thực tế một cơ quan quản lý nhà nước về thông tin, truyền thông.

14.29. Khoa học quản lý (03TC)

Điều kiện tiên quyết: Triết học, LL chung về NN và pháp luật

Học phần Khoa học quản lý dành cho chuyên ngành Chính trị học cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về khoa học quản lý, nguyên tắc, phương pháp, chức năng quản lý, thông tin và quyết định quản lý.

Học phần gồm 6 chương: Nhập môn khoa học quản lý; Nguyên tắc, phương pháp và chức năng quản lý; Hoạch định; Tổ chức; Lãnh đạo; Thông tin và quyết định quản lý.

14.30. Nghệ thuật phát biểu miệng (03TC)

Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phát biểu miệng với tư cách là một môn khoa học và nghệ thuật thuyết phục con người bằng lời nói trực tiếp. Từ đó người học có thể trở thành một cán bộ tuyên truyền miệng sau quá trình rèn luyện, học tập, tu dưỡng về cả đạo đức và chuyên môn.

Học phần bao gồm 6 chương với các nội dung cơ bản về nghệ thuật phát biểu miệng như: Phát biểu miệng - Nghệ thuật thuyết phục con người bằng lời nói trực tiếp; Những cơ sở tâm lý – Sư phạm của phát biểu miệng; Chứng minh và ngôn ngữ trong phát biểu miệng; Chuẩn bị bài phát biểu; Quá trình phát biểu miệng; Sự rèn luyện, tu dưỡng của cán bộ tuyên truyền miệng

14.31. Khoa học chính sách công (03TC)

Điều kiện tiên quyết: Khoa học quản lý

Học phần Khoa học chính sách công dành cho chuyên ngành Chính trị học cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về Chính sách công, vai trò của chính sách và tầm quan trọng của việc phân tích, hoạch định và đánh giá chính sách công. Từ đó giúp người học xây dựng kỹ năng đánh giá, phân tích, tổng hợp, xử lý tình huống cũng như các kỹ năng cơ bản trong việc hoạch định một chính sách.

Học phần gồm 4 chương: Một số vấn đề cơ bản về chính sách công; Sự hình thành chính sách; Qúa trình thực hiện chính sách; Phân tích chính sách.

14.32. Lý thuyết chung về quản lý xã hội (03TC)

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác – Lê nin và Khoa học quản lý.

Nội dung của học phần bao gồm 9 chương với những tri thức cơ bản sau: Khái quát về chủ thể, khách thể, nguyên tắc, hình thức, phương pháp quản lý xã hội; kiến thức cơ bản về quản lý xã hội của nhà nước, thiết chế xã hội cơ bản trong quản lý xã hội; quản lý sự biến đổi xã hội; thông tin và văn hóa trong quản lý xã hội; nhân tố con người trong quản lý xã hội.

14.33. Hệ thống chính trị với quản lý xã hội (03TC)

Điều kiện tiên quyết: Chính trị học đại cương

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về vai trò, phương pháp, nội dung của hệ thống chính trị với quản lý các lĩnh vực trong đời sống xã hội. Từ đó người học có khả năng phân tích, đánh giá, vận dụng vào công việc trong tương lai.

Học phần hệ thống chính trị với quản lý xã hội bao gồm 7 chương với những nội dung cơ bản như sau: Nhập môn hệ thống chính trị với quản lý xã hội; Hệ thống chính trị với Quản lý xã hội; Con người chính trị với Quản lý xã hội; Chính trị với quản lý lĩnh vực kinh tế; Chính trị với quản lý lĩnh vực chính trị; Chính trị với quản lý lĩnh vực văn hóa; Chính trị với quản lý lĩnh vực xã hội.

14.34. Lịch sử các học thuyết chính trị (03TC)

Điều kiện tiên quyết: Chính trị học đại cương

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các tư tưởng chính trị trong lịch sử học thuyết chính trị phương Đông và phương Tây cổ, Trung đại; học thuyết chính trị của chủ nghĩa Mác-Lênin; tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh và tư tưởng chính trị Việt Nam thời phong kiến. Từ đó người học có thể phân tích, đánh giá và vận dụng được các tri thức, tư tưởng, quan điểm, học thuyết chính trị cơ bản vào luận giải một số vấn đề thực tiễn.

Học phần bao gồm 6 chương: Chương 1 xác định đối tượng, đặc trưng và phương pháp nghiên cứu lịch sử các học thuyết chính trị. Chương 2 trình bày các tư tưởng, học thuyết chính trị Phương Đông. Chương 3 trình bày các học thuyết chính trị phương Tây. Chương 4: Học thuyết chính trị chủ nghĩa Mác – Lênin. Chương 5 trình bày lịch sử tư tưởng chính trị Việt Nam thời kỳ phong kiến. Chương 6 trình bày nội dung căn bản của tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh.

14.35. Lịch sử tư tưởng quản lý (03TC)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung môn học gồm những kiến thức cơ bản về phân kỳ lịch sử tư tưởng quản lý; các tư tưởng quản lý thời cổ đại, trung đại, cận đại, hiện đại và quan điểm Chủ nghĩa Mác – Lênin về quản lý; để từ đó người học có cái nhìn toàn diện và đánh giá đúng về vai trò của quản lý trong xã hội.

Học phần gồm có 8 chương: Học phần này bao gồm 8 chương: Chương 1. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của Lịch sử tư tưởng quản lý. Chương 2. Tư tưởng quản lý Trung quốc cổ - trung đại. Chương 3. Tư tưởng quản lý phương Tây cổ đại. Chương 4. Các học thuyết quản lý cổ điển. Chương 5. Các học thuyết quan hệ con người. Chương 6. Học thuyết quản lý hành vi. Chương 7. Quản lý chất lượng. Chương 8. Quan điểm của Chủ nghĩa Mác về quản lý.

14.36. Lịch sử xây dựng chính quyền nhà nước Việt Nam (03TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Lịch sử xây dựng chính quyền nhà nước Việt Nam dành cho ngành

Chính trị học cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về nhà nước, pháp luật Việt Nam qua từng thời kỳ lịch sử khác nhau gắn với việc làm rõ cơ cấu tổ chức và sự vận hành của nhà nước trong toàn bộ tiến trình lịch sử.

Học phần gồm 3 chương: Nhà nước thời kỳ sơ khai; Nhà nước thời kỳ Phong kiến; Nhà nước kiểu mới.

14.37. Lịch sử tư tưởng Việt Nam (03TC)

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần Lịch sử tư tưởng Việt Nam dành cho ngành Chính trị học cung cấp kiến thức cơ bản về lịch sử tư tưởng Việt Nam từ thời tiền sử đến đầu thế kỷ XX, từ đó có cơ sở giải thích các vấn đề chính trị-xã hội hiện nay ở Việt Nam đặc biệt là lòng yêu nước của người Việt trong suốt chiều dài dựng nước và giữ nước.

Học phần này bao gồm 4 chương bao gồm các kiến thức về: Tư tưởng của cư dân thời tiền sử và sơ sử; Tư tưởng của cư dân thời kỳ Bắc thuộc (từ cuối thế kỷ II TCN đến thế kỷ X sau công nguyên Tư tưởng Việt Nam thời kỳ hình thành, củng cố quốc gia phong kiến độc lập (từ thế kỷ X đến đầu thế kỷ XIX); Tư tưởng Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

14.38. Chính trị quốc tế đương đại (03TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Chính trị quốc tế đương đại làm rõ những nội dung: khái niệm chính trị quốc tế, chủ thể chính trị, đặc điểm, quy luật, lịch sử phát triển, nhân tố tác động đến chính trị quốc tế, một số vấn đề cơ bản của chính trị quốc tế như diễn biến hòa bình, chính sách đối ngoại.

Học phần này bao gồm 7 chương: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa nghiên cứu Chính trị quốc tế; Từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung:Chủ thể, nhân tố tác động đến chính trị quốc tế, đặc điểm của chính trị quốc tế từ sau chiến tranh thế giới thứ 2 đến nay, diễn biến hòa bình, cơ sở hoạch định chính sách đối ngoại, đường lối, chính sách đối ngoại Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

14.39. Chính trị học Việt Nam (03TC)

Điều kiện tiên quyết: Chính trị học đại cương

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nền chính trị Việt Nam từ lịch sử đến hiện đại.

Học phần này bao gồm 5 chương về các nội dung: Nhập môn Chính trị học Việt Nam; Khái lược lịch sử phát triển chính trị Việt Nam từ dựng nước đến năm 1945; Quá trình hình thành và các giai đoạn phát triển thể chế chính trị Việt Nam hiện đại; Đặc điểm thể chế chính trị Việt Nam hiện nay; Một số vấn đề cơ bản về xây dựng nền chính trị Việt Nam hiện nay.

14.40. Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam (phần 1) (03TC)

Điều kiện tiên quyết: Lý luận nhà nước và pháp luật

Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những khái niệm, kiến thức cơ bản về Luật Hiến pháp; Luật Kinh tế; Luật Lao động, Luật Đất đai và các chế định pháp luật của các ngành luật trên, từ đó hình thành cho người học khả năng vận dụng các kiến thức về các ngành luật trong hoạt động thực tiễn quản lý đối với các quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực hiến pháp, kinh tế, lao động, đất đai và ý thức tôn trọng, tuân thủ pháp luật.

Nội dung của môn học gồm 5 chương: Luật Hiến pháp; Luật Hành chính; Luật Kinh tế; Luật Lao động; Luật Đất đai.

14.41. Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam (phần 2) (03TC)

Điều kiện tiên quyết: Các ngành luật trong hệ thống PL Việt Nam (phần 1)

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về các ngành luật như luật Hình sự, luật Dân sự, luật Tố tụng hình sự, luật Tố tụng dân sự trong hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay. Từ đó giáo dục ý thức tuân thủ pháp luật và khả năng tuyên truyền luật pháp cho người học.

Học phần bao gồm 4 chương: luật Hình sự, luật Dân sự, luật Tố tụng hình sự, luật Tố tụng dân sự.

14.42. Quản lý hành chính nhà nước (02TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Quản lý hành chính nhà nước dành cho chuyên ngành Chính trị học cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về quản lý hành chính nhà nước, các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của nền hành chính, tổ chức nền hành chính, quyết định hành chính, kiểm soát đối với hành chính nhà nước và cải cách hành chính nhà nước.

Học phần gồm 6 chương: Khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của hành chính nhà nước; chức nền hành chính nhà nước; Hoạt động của hành chính nhà nước; Quyết định quản lý hành chính nhà nước; Kiểm soát đối với hành chính nhà nước; Cải cách hành chính nhà nước.

14.43. Quản lý xã hội về dân tộc và tôn giáo (03TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Sau khi kết thúc học phần người học nắm được những kiến thức cơ bản về quản lý xã hội về dân tộc và tôn giáo như: khái niệm, đặc điểm, tình hình về dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay; các quan điểm của Đảng về dân tộc và tôn giáo; nhiệm vụ, chủ thể, nội dung của quản lý quản lý xã hội về dân tộc và tôn giáo. Từ đó tạo nền tảng tri thức, hình thành kỹ năng cần thiết cho người học có thể vận dụng trong hoạt động thực tiễn quản lý quản lý xã hội về dân tộc và tôn giáo ở các cấp độ khác nhau.

Nội dung của học phần Quản lý xã hội về dân tộc và tôn giáo gồm 2 phần lớn là Quản lý xã hội về Dân tộc và Quản lý xã hội về Tôn giáo với 4 chương: Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và chính sách dân tộc của Đảng, Nhà

nước; Chủ thể, nội dung quản lý xã hội về dân tộc; Quan điểm của Đảng đối với công tác tôn giáo; Chủ thể và nội dung quản lý xã hội về tôn giáo

14.44. Quản lý cấp cơ sở (03TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Quản lý cấp cơ sở dành cho chuyên ngành Chính trị học cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về các vấn đề chung ở cấp cơ sở, quản lý các vấn đề kinh tế, tài nguyên & môi trường, hành chính, tư pháp, văn hóa xã hội, quốc phòng, trật tự trị an cũng như việc thực hiện dân chủ tại cơ sở.

Học phần gồm 3 chương: Những vấn đề chung; Các lĩnh vực quản lý cấp cơ sở; Thực hiện dân chủ cấp cơ sở.

14.45. Kỹ năng lãnh đạo, quản lý (03TC)

Điều kiện tiên quyết: Chính trị học Việt Nam; Khoa học quản lý

Kỹ năng lãnh đạo, quản lý là học phần nghiên cứu chuyên biệt về các kỹ năng cơ bản mà các nhà lãnh đạo, quản lý thường gặp phải trong quá trình làm việc. Người học sẽ được trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ năng lãnh đạo, quản lý với tư cách là một khoa học nghiên cứu về kỹ thuật, khả năng lãnh đạo, quản lý. Từ đó rèn luyện tính chủ động, tích cực, tinh tế, óc quan sát và khả năng ứng biến trước các tình huống chính trị gặp phải trong tương lai.

Học phần này bao gồm 6 chương: Nhập môn Kỹ năng lãnh đạo quản lý; Kỹ năng ra quyết định và tổ chức thực hiện quyết định của lãnh đạo, quản lý; Kỹ năng dùng người trong lãnh đạo quản lý; Kỹ năng điều hành tổ chức; Kỹ năng lãnh đạo sự thay đổi; Kỹ năng quản trị sự xung đột trong lãnh đạo quản lý.

14.46. Kỹ năng xử lý tình huống chính trị (03TC)

Điều kiện tiên quyết: Chính trị học đại cương; Tâm lý học đại cương

Học phần cung cấp cho người học các phương pháp tiếp cận, nhiệm vụ, nguyên tắc và quy trình xử lý một số tình huống chính trị. Trên cơ sở đó giúp người học có khả năng phát hiện, phân tích và xử lý các tình huống chính trị nảy sinh trong thực tiễn.

Học phần Kỹ năng xử lý tình huống chính trị bao gồm 5 chương về các vấn đề cơ bản như: Phạm vi và phương pháp nghiên cứu môn xử lý tình huống chính trị; Xử lý xung đột chính trị; Xử lý các điểm nóng chính trị - xã hội; Xử lý tình huống chính trị khi có nạn quan liêu, tham nhũng trầm trọng; Xử lý tình huống chính trị khi chuyển giao quyền lãnh đạo giữa các thế hệ trong Đảng Cộng sản cầm quyền.

14.47. Kỹ thuật điều hành công sở hành chính nhà nước (03TC)

Điều kiện tiên quyết: Quản lý hành chính nhà nước

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về công sở hành chính nhà nước: khái niệm, đặc điểm cơ bản của công sở hành chính nhà nước, nguyên tắc điều hành hoạt động công sở; có những kỹ năng cơ bản trong điều hành công sở: thiết kế

công việc, phân tích, phân công công việc, xây dựng và áp dụng quy chế làm việc, xây dựng kế hoạch, tổ chức điều hành cuộc họp, kiểm tra công sở, cung cấp điều kiện vật chất cho thực thi.

Học phần bao gồm 2 chương: Những vấn đề cơ bản về công sở hành chính nhà nước; Những kỹ năng cơ bản trong điều hành công sở.

14.48. Kỹ thuật soạn thảo văn bản quản lý nhà nước (03TC)

Điều kiện tiên quyết:

Học phần Kỹ thuật soạn thảo văn bản quản lý nhà nước dành cho chuyên ngành Chính trị học cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về văn bản quản lý nhà nước, hệ thống văn bản quản lý nhà nước, những yêu cầu về nội dung và thể thức của văn bản, văn phong, ngôn ngữ của văn bản, quy trình xây dựng và ban hành văn bản cũng như cách thức soạn thảo các loại văn bản cụ thể.

Học phần gồm 7 chương: Đại cương về văn bản quản lý hành chính nhà nước; Hệ thống văn bản quản lý nhà nước và hiệu lực thi hành; Những yêu cầu về nội dung và thể thức của văn bản; Văn phong và ngôn ngữ văn bản; Quy trình xây dựng và ban hành văn bản; Soạn thảo văn bản hành chính cá biệt; Văn bản hành chính thông thường.

14.49. Phương pháp nghiên cứu và giảng dạy khoa học chính trị (03TC)

Điều kiện tiên quyết: Khoa học quản lý, Quản lý hành chính nhà nước; Chính trị học đại cương

Học phần Phương pháp nghiên cứu và giảng dạy khoa học chính trị dành cho ngành Chính trị học cung cấp cơ sở lý luận, tính đặc thù của nghiên cứu và giảng dạy khoa học chính trị; rèn luyện kỹ năng, phương pháp nghiên cứu khoa học và vận dụng phương pháp giảng dạy vào dạy chương trình khoa học chính trị; hình thành tác phong, chuẩn mực của nhà nghiên cứu, của giảng viên.

Học phần bao gồm những tri thức khái quát và cơ bản về nghiên cứu và giảng dạy khoa học chính trị; các phương pháp nghiên cứu khoa học chính trị và các phương pháp giảng dạy khoa học chính trị.

14.50. Quản lý xã hội về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội (03TC)

Điều kiện tiên quyết: Quản lý hành chính nhà nước

Học phần Quản lý xã hội về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội cung cấp cho người học kiến thức về quản lý xã hôi đối với một số hoạt động cơ bản trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; các quan diểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam về quốc phòng, an ninh, trật trự an toàn xã hội để làm cơ sở phương pháp luận nghiên cứu các vấn đề thực tiễn.

Học phần gồm 2 chương: Quản lý xã hội về quốc phòng; Quản lý xã hội về an ninh, trật tự an toàn xã hội.

14.51. Quản lý xã hội về kinh tế (03TC)

Điều kiện tiên quyết: Quản lý hành chính nhà nước

Học phần Quản lý xã hội về kinh tế cung cấp những kiến thức cơ bản về đặc điểm, vai trò, nguyên tắc, nội dung, phương pháp quản lý kinh tế; hình thành kỹ năng thực hiện quy trình quản lý xã hội về kinh tế ở các ngành, lĩnh vực; hình thành kỹ năng cho người học có thể tham gia hoạt động quản lý và xây dựng chính sách về kinh tế trong các điều kiện cụ thể; đồng thời có ý thức tích cực trong việc xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Học phần gồm 4 chương: Tổng quan quản lý nhà nước về kinh tế; Quy luật và nguyên tắc quản lý nhà nước về kinh tế; Công cụ và phương pháp quản lý nhà nước về kinh tế; Quản lý nhà nước về doanh nghiệp, tài chính tiền tệ, kinh tế đối ngoại, dự án đầu tư.

14.52. Quản lý xã hội về khoa học, công nghệ, tài nguyên và môi trường (03TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về đặc điểm, vai trò khoa học và công nghệ, tài nguyên, môi trường, với đời sống xã hội; quan điểm chiến lược của Đảng và Nhà nước về khoa học công nghệ, tài nguyên môi trường đối, công cụ và nội quan quản lý xã hội về khoa học công nghệ, tài nguyên môi trường; hình thành kỹ năng cho người học có thể tham gia hoạt động quản lý và xây dựng chính sách về khoa học công nghệ, tài nguyên môi trường trong các điều kiện cụ thể; đồng thời có ý thức tích cực trong việc xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Học phần gồm 4 chương: quan niệm chung về khoa học và công nghệ, quản lý xã hội về khoa học và công nghệ, quản lý xã hội về tài nguyên và môi trường, chiến lược bảo vệ tài nguyên và môi trường

14.53. Quản lý xã hội về giáo dục – đào tạo (03TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần tập trung làm rõ những vấn đề chung về giáo dục và đào tạo; đặc điểm, vai trò, nguyên tắc, hình thức, phương pháp quản lý xã hội về giáo dục và đào tạo; chủ thể quản lý xã hội về giáo dục và đào tạo; nội dung chủ yếu của quản lý xã hội về giáo dục và đào tạo.

Học phần gồm 3 chương: Chương 1. Một số vấn đề chung; Chương 2. Đặc điểm, vai trò và những yếu tố tác động đến quản lý xã hội về giáo dục và giáo dục; Chương 3. Một số vấn đề cơ bản trong quản lí xã hội về giáo dục và đào tạo.

14.54. Quản lý nguồn nhân lực xã hội (03TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần Quản lý nguồn nhân lực xã hội dành cho ngành Chính trị học cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về quản lý, sử dụng và phân bổ nguồn nhân lực

Học phần gồm 5 chương gồm: Tổng quan về quản lý nguồn nhân lực xã hội; Nguồn nhân lực xã hội và chiến lược phát triển nguồn nhân lực xã hội; Phát triển nguồn

nhân lực xã hội đáp ứng yêu cầu thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; Sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực xã hội; Phân bố nguồn nhân lực xã hội

14.55. Quản lý xã hội về văn hóa (03TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Sau khi kết thúc học phần người học nắm được đặc điểm, vai trò, nguyên tắc, nội dung, phương pháp quản lý xã hội văn hoá; hình thành kỹ năng thực hiện quy trình quản lý xã hội về văn hóa ở các cấp độ khác nhau; có ý thức tích cực trong việc xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc

Học phần gồm 4 chương: Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam; Đặc điểm, nguyên tắc, phương pháp, hình thức quản lý xã hội về văn hóa; Chủ thể quản lý xã hội về văn hóa; Nội dung chủ yếu của quản lý xã hội về văn hóa.

14.56. Thực tập 1 (02TC)

Điều kiện tiên quyết: Hệ thống chính trị với quản lý xã hội

Học phần Thực tập 1 (hay còn gọi là Thực tập ngắn hạn) là quá trình bước đầu sinh viên tìm hiểu, quan sát, trải nghiệm các hoạt động chuyên môn tại cơ sở thực tập. Từ đó sinh viên hình dung được môi trường nghề trong tương lai và tiếp tục có kế hoạch, có động lực tích lũy kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ cho hoạt động học tập sau đợt thực tập.

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản về những việc cần chuẩn bị trước khi sinh viên đi thực tập 1 của các bên liên quan; Khảo sát về cơ sở thực tập; Thực tập về chuyên môn, nghiệp vụ tại cơ sở thực tập; Tổng kết chương trình thực tập; Trao đổi, thảo luận và rút ra bài học kinh nghiệm; Các yêu cầu về báo cáo thực tập 1.

14.57. Thực tập 2 (04TC)

Điều kiện tiên quyết: Thực tập 1

Học phần Thực tập 2 là quá trình sinh viên tiến hành thực hiện các kỹ năng nghề nghiệp đã được trang bị vào thực tế hoạt động quản lý xã hội hoặc giảng dạy tại cơ sở thực tập. Từ đó, phát triển năng lực nghề, rèn kỹ năng nghề và các phẩm chất nghề cần thiết cho sinh viên.

Học phần bao gồm ba nội dung cơ bản như: Phần thứ nhất: Các nội dung và yêu cầu chuẩn bị thực tập; Phần thứ hai: Thực tập tốt nghiệp tại cơ sở; Phần thứ ba: Tổng kết và lượng hóa kết quả thực tập.

14.58. Quản lý công sở, công sản (03TC)

Điều kiện tiên quyết: Thực tập 2

Học phần Quản lý Công sở Công sản dành cho ngành Chính trị học cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về công sở, công sản; quan điểm của Đảng và Nhà nước về

xây dựng, sử dụng, khai thác công sở, công sản; đặc điểm, nguyên tắc, phương pháp quản lý xã hội công sở, công sản; nội dung chủ yếu của quản lý công sở, công sản.

Học phần gồm 5 chương: Khái quát chung về môn học; Một số vấn đề chung về công sở, công sản; Nguyên tắc, hình thức, phương pháp quản lý công sở, công sản; Chủ thể quản lý và nội dung quản lý công sở, công sản; Giải quyết tranh chấp và xử lý vi phạm trong quản lý công sở, công sản.

14.59. Quyền con người trong quản lý (03TC)

Điều kiện tiên quyết: Thực tập 2

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản: Lý luận về quyền con người, quyền công dân; Pháp luật và cơ chế quốc tế về bảo đảm quyền con người; Pháp luật Việt Nam về quyền con người, quyền công dân; Cơ chế bảo đảm quyền con người, quyền công dân ở Việt Nam; Đối thoại và đấu tranh trên lĩnh vực quyền con người ở Việt Nam hiện nay.

14.60. Giáo dục Thể chất (07 TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Trang bị cho học sinh những kiến thức lý luận cơ bản về phương pháp tập luyện TDTT, các quá trình hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động và sự phát triển của các tố chất thể lực, giáo dục đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật để không ngừng phát triển con người cân đối toàn diện, nâng cao hiệu quả học tập lao động và thực hành tay nghề.

14.61. Giáo dục Quốc phòng - An ninh (08 TC)

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau: lí luận của Đảng về đường lối quân sự, bao gồm: những vấn đề cơ bản của học thuyết Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh; một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kì.

15. Hướng dẫn thực hiện chương trình

15.1. Quy định chung

- Căn cứ thực hiện chương trình: Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/06/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Quyết định số 1982/QĐ-TTg, ngày 18/10/2016 Quyết định phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam; Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành ... được thiết kế theo hướng phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo của người học, tích hợp chuyên môn và nghiệp vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho người học sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhiệm tốt những công việc phù hợp với chuyên ngành được đào tạo.

- Khi thực hiện nội dung chương trình, các phòng, khoa, trung tâm, bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần đã được duyệt;

nếu có những nội dung cần thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các khoa, trung tâm, bộ môn xây dựng đủ đề cương bài giảng, ngân hàng dữ liệu để tạo điều kiện cho tất cả các học phần tổ chức giảng dạy theo hướng tích cực hóa các hoạt động, đặc biệt là hướng dẫn người học tự học, tự nghiên cứu tài liệu; cần phải đảm bảo các điều kiện tối thiểu về tài liệu, giáo trình, thiết bị dạy học; tăng cường hoạt động tự nghiên cứu, tăng cường hình thức giao nhiệm vụ cho người học và tổ chức học tập, hoạt động theo nhóm.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giảng viên lên lớp phải được bố trí hợp lí về chuyên môn của từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong ... năm, mỗi năm học được chia thành 2 học kì, mỗi học kì là 15 tuần (không tính thời gian ôn tập và thi); trong điều kiện cụ thể có thể tổ chức học kỳ phụ.

- Quy định thực hiện các học phần:

+ Các học phần lí thuyết học tại lớp: không quá không vượt quá 15 giờ/tuần và 4 giờ/ngày, được chia thành các phần: lí thuyết, bài tập, thảo luận, kiểm tra, thực hành môn học.

+ Học phần thực tập: thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

+ Mỗi giờ học là 50 phút.

15.2. Hướng dẫn lựa chọn các hoạt động dạy học và phương pháp dạy học

Giảng viên lựa chọn các hoạt động dạy học và phương pháp dạy học phải được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập; định hướng hiệu quả để người học đạt được chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần và của cả chương trình đào tạo.

15.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần

Theo Điều 14, 15, 16, 17, 18, 19 của Chương III, Quyết định 667/QĐ-ĐHTTr ngày 25/8/2021 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Tân Trào.

15.4. Hướng dẫn xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

Theo Điều 20, 21, 22, 23 của Chương III, Quyết định 667/QĐ-ĐHTTr ngày 25/8/2021 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Tân Trào.